

# CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

PGS.TS. Lê Quốc Hội

Đại học Kinh tế quốc dân

*Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam, nguồn lực con người có ý nghĩa quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước. Giáo dục và đào tạo có vai trò và nhiệm vụ quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực. Thực tiễn phát triển giáo dục và đào tạo của đất nước đã khẳng định những chính sách giáo dục đúng đắn nhưng đồng thời cũng cho thấy nhiều hạn chế và cần thiết có sự đổi mới để tạo ra những bước chuyển căn bản của giáo dục trong giai đoạn tới. Bài viết này đánh giá thực trạng chính sách giáo dục và đào tạo của Việt Nam trong thời gian qua và đề xuất một số khuyến nghị trong thời gian tới.*

**Từ khóa:** giáo dục, đào tạo, chính sách, Việt Nam

## **1. Vai trò của chính sách giáo dục và đào tạo trong hệ thống chính sách xã hội**

Theo cách hiểu rộng, *giáo dục* là một quá trình bao gồm tất cả các hoạt động hướng vào sự phát triển và rèn luyện năng lực (tri thức, kỹ năng, kỹ xảo) và phẩm chất (niềm tin, đạo đức, thái độ...) ở con người để có thể phát triển nhân cách đầy đủ và trở nên có giá trị tích cực đối với xã hội. Theo cách hiểu hẹp hơn, giáo dục là một quá trình được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch nhằm truyền đạt và lĩnh hội những kinh nghiệm xã hội của loài người.

*Đào tạo* là quá trình phát triển có hệ thống các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và thái độ, tư cách... đòi hỏi ở một cá nhân để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nhất định. Như vậy, đào tạo được hiểu là một dạng đặc thù của giáo dục, trong đó nó hướng về giáo dục chuyên môn nghề nghiệp. Vì là một dạng đặc thù của giáo dục, nên quá trình đào tạo cũng tuân theo những quy luật chung của giáo dục. Tuy nhiên, do những đặc điểm riêng của nó (về mục tiêu, đối tượng và phương pháp) nên trong thực tế, người ta vẫn thường tách riêng giáo dục và đào tạo.

*Chính sách giáo dục và đào tạo* là một trong những chính sách xã hội cơ bản trong hệ thống các chính sách kinh tế- xã hội của Nhà nước. Chính sách giáo dục và đào tạo là công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với các hoạt động giáo dục và đào tạo,

nhằm thực hiện các mục tiêu của Nhà nước về lĩnh vực này. Chính sách giáo dục và đào tạo là một hệ thống các quan điểm, mục tiêu của Nhà nước về giáo dục- đào tạo, cùng các phương hướng, giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu đó, trong một giai đoạn nhất định của sự phát triển đất nước.

Chính sách giáo dục và đào tạo có mối quan hệ biện chứng với các chính sách kinh tế và xã hội khác, đặc biệt là mối quan hệ với chính sách lao động và việc làm, chính sách an sinh xã hội... Chẳng hạn, chính sách giáo dục- đào tạo thực hiện tốt thì cơ hội việc làm tăng và nguồn nhân lực được sử dụng có hiệu quả. Kết quả là hiện tượng thất nghiệp sẽ giảm đi và chính sách bảo hiểm xã hội sẽ giảm được chi phí cho các trợ cấp thất nghiệp. Ngược lại, khi chính sách giáo dục và đào tạo không được giải quyết tốt thì làm cho trình độ dân trí thấp, các tệ nạn xã hội sẽ dễ dàng phát sinh, thất nghiệp sẽ tăng lên. Khi đó, gánh nặng đối với các chính sách về bảo trợ xã hội, an sinh xã hội sẽ tăng lên, thậm chí còn có thể gây ra bất ổn định về chính trị, xã hội.

Đối tượng của chính sách giáo dục- đào tạo là con người, là vốn quý nhất, là nguồn nội lực cốt lõi đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước. Do vậy, giáo dục- đào tạo là mối quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia, nhằm tạo ra một nguồn nhân lực có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, đáp ứng ở mức cao nhất những yêu cầu phát triển

kinh tế- xã hội của đất nước.

Nếu như trước đây, sự thiếu vốn và nghèo nàn về cơ sở vật chất là nguyên nhân chủ yếu làm chậm tốc độ phát triển kinh tế thì trong thời đại ngày nay, phần quan trọng của tăng trưởng gắn liền với chất lượng của lực lượng lao động. Nếu như trước đây, nền kinh tế của mỗi quốc gia chủ yếu dựa vào lao động và tự nhiên, thì ngày nay chủ yếu dựa vào thông tin và lao động trí tuệ. Kỷ nguyên phát triển mới coi đầu tư phát triển nguồn nhân lực là quan trọng hơn các loại đầu tư khác. Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy nếu không có chính sách giáo dục- đào tạo đúng đắn thì sẽ không thể tạo động lực cho phát triển kinh tế- xã hội. Vì vậy, các quốc gia trên thế giới đều thực hiện chiến lược phát triển của mình theo hướng chú trọng đến giáo dục và đào tạo. Nhiều quốc gia coi giáo dục và đào tạo là nguồn lực hàng đầu cho phát triển kinh tế.

## **2. Thực trạng chính sách giáo dục và đào tạo ở Việt Nam**

Chính sách giáo dục và đào tạo được thể hiện ở trong Hiến pháp năm 1992, Luật Giáo dục ban hành năm 2005 và sửa đổi năm 2009. Chính sách giáo dục và đào tạo được chú trọng trên tất cả các mặt: phổ cập giáo dục các cấp; tăng cường đào tạo và giáo dục nghề nghiệp trên cả 3 mặt kiến thức, kỹ năng và phẩm chất của người lao động; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ thuật; chú trọng đầu tư và hỗ trợ của nhà nước cho giáo dục; thực hiện xã hội hóa giáo dục bằng việc khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào cung cấp dịch vụ giáo dục và cơ sở vật chất giáo dục.

Từ năm 1986 đến nay, cùng với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, chính sách giáo dục và đào tạo của Việt Nam đã có những thay đổi rõ rệt trên các mặt sau:

- *Thay đổi về nhận thức vai trò của giáo dục - đào tạo:* Quan niệm “giáo dục như một bộ phận của cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa” đã được thay thế bởi cách hiểu “đầu tư cho giáo dục là nguồn đầu tư cho phát triển”. Đảng và Nhà nước đã khẳng định quan điểm: “Giáo dục- đào tạo cùng với khoa học và công nghệ được xem là quốc sách hàng đầu”. Đây là một sự đổi mới về nhận thức và lần đầu tiên được quy định tại điều 35 Hiến pháp 1992 và sau đó là Nghị quyết Trung ương II khóa VIII. Luật giáo dục năm 2005 cũng một lần nữa nhấn mạnh lại vấn đề này trong điều 9: “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”. Để thực hiện quan điểm

này, Quốc hội khóa X đã thông qua hai Nghị quyết quan trọng: Nghị quyết số 40 về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và Nghị quyết số 41 về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- *Bảo đảm phát triển cân đối hệ thống giáo dục từ phía Nhà nước:* Nhà nước thống nhất quản lý hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch giáo dục, quy chế thi cử và hệ thống văn bằng. Nhà nước chủ trương phát triển đồng đều tất cả các cấp và trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Bên cạnh giáo dục chính quy, nhà nước mở rộng và tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục thường xuyên. Bên cạnh hệ thống các trường công lập, nhà nước còn phát triển hệ thống các trường dân lập và tư thục và có chính sách đa dạng hóa các loại hình trường. Ngân sách cho giáo dục tuy có sự khác nhau về cơ cấu giữa các cấp học và trình độ đào tạo nhưng được cân đối và phát triển một cách đồng đều.

- *Chính sách xã hội hóa giáo dục:* Cùng với quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường Nhà nước đã chủ trương thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục. Quyết định số 44/HĐBT ngày 24/04/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thu một phần học phí trong giáo dục phổ thông đã đánh dấu tiến trình xã hội hóa giáo dục và thực hiện chia sẻ chi phí giáo dục giữa người dân và nhà nước. Thông qua Nghị quyết số 90/CP ngày 21/08/1997 của Chính phủ về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, Nhà nước khuyến khích mở rộng nhiều hình thức giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các loại trường, lớp bán công, dân lập, tư thục tại thành phố, thị xã, thị trấn và những vùng có kinh tế thuận lợi. Điều 12 Luật giáo dục năm 2005 ghi nhận việc đẩy mạnh hơn xã hội hóa giáo dục thông qua việc coi phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập là sự nghiệp của nhà nước và sự nghiệp của toàn dân. Ngoài ra, Luật giáo dục còn khẳng định việc thực hiện đa dạng hóa các loại hình trường và các hình thức giáo dục, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục.

- *Chính sách hỗ trợ và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục:* Nhằm tăng cường sự công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục, Chính phủ đã thực hiện các chính sách miễn giảm học phí và cấp học bổng cho các nhóm yếu thế. Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ đã quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học

2010- 2011 đến năm học 2014- 2015. Theo đó, hàng năm ngân sách nhà nước chi khoảng 4.400 tỷ đồng cho miễn học phí (2.162 tỷ đồng), giảm học phí (383 tỷ đồng) và hỗ trợ chi phí học tập (1.856 tỷ đồng). Ngoài ra, cũng áp dụng nhiều chính sách riêng đối với các cấp đào tạo khác nhau:

+ Đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông: Chính phủ đã ban hành nhiều Quyết định quan trọng như: Quyết định số 101/2009/QĐ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg tiếp tục mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách (hỗ trợ học tập cho tất cả học sinh mẫu giáo, phổ thông là con hộ nghèo thuộc xã 135); Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/11/2011 quy định chính sách hỗ trợ trẻ em mẫu giáo 3- 5 tuổi thuộc các xã biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn, con hộ nghèo; Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010 và Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT- GDĐT-TC-LĐTĐ ngày 19/01/2012 quy định chính sách cho trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên thuộc các dân tộc rất ít người; Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú; Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 về củng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số (với trên 70 nghìn học sinh dân tộc nội trú). Việc hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa, phát triển hệ thống trường nội trú đã khuyến khích trẻ em, học sinh vùng dân tộc thiểu số, miền núi, con hộ nghèo và cận nghèo tiếp cận giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

+ Đối với giáo dục nghề nghiệp: Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nhằm tăng cường cơ hội cho các nhóm lao động yếu thế có việc làm ngày càng được chú trọng, nhất là học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, khó khăn, gia đình chính sách, lao động nông thôn. Đối với học sinh, sinh viên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 2 quyết định quan trọng: Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (mồ côi cha mẹ, thuộc hộ gia đình nghèo, gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn...); và Quyết định số 267/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 về chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú.

+ Đối với thanh niên: Quyết định số 103/2008/QĐ-TTg ngày 21/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án dạy nghề và tạo việc làm cho thanh niên giai đoạn 2008- 2015 với mục tiêu hỗ trợ, tạo điều kiện cho thanh niên vay vốn học

nghề, tạo việc làm và đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực và hiện đại hoá 10 trung tâm giới thiệu việc làm và dạy nghề trọng điểm của Đoàn thanh niên. Đề án này tạo điều kiện để 100% thanh niên có nhu cầu lập doanh nghiệp được cung cấp kiến thức khởi sự doanh nghiệp và thanh niên được vay tín chấp với lãi suất ưu đãi (0,5%/tháng) để học nghề, được hỗ trợ để tiếp cận thông tin tư vấn và giới thiệu việc làm.

+ Đối với lao động nông thôn: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về phê duyệt Đề án về dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 với mục tiêu tăng cường khả năng tiếp cận của các đối tượng này đến hệ thống dạy nghề.

- *Chính sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo:* Ngân sách cho giáo dục được quy định cụ thể trong chương VII Luật giáo dục năm 2005. Chính phủ đã thực hiện tăng chi cho các chương trình mục tiêu của ngành giáo dục như: đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và thay sách giáo khoa, hỗ trợ giáo dục miền núi và dân tộc, xây dựng cơ sở vật chất trường sư phạm và bồi dưỡng giáo viên, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và đưa công nghệ thông tin vào nhà trường, tăng cường cơ sở vật chất trường học và xây dựng một số trường đại học, trung học chuyên nghiệp trọng điểm, tăng cường năng lực đào tạo nghề... Ngoài ra, Nhà nước còn thực hiện các biện pháp kiểm soát và tăng dần hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư cho giáo dục. Bên cạnh việc tăng ngân sách đầu tư cho giáo dục, Nhà nước đã thực hiện việc huy động nguồn lực trong xã hội đầu tư cho giáo dục thông qua chủ trương xã hội hoá.

### **3. Kết quả chính sách giáo dục và đào tạo**

#### **3.1. Thành tựu chủ yếu**

*Thứ nhất, mức hưởng thụ về giáo dục và đào tạo của người dân ngày càng tăng lên, thể hiện trên các khía cạnh sau:*

- *Đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000, phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010. Giai đoạn 2001- 2010, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học tăng nhanh, trong đó mẫu giáo 5 tuổi tăng từ 72% lên 98%, tiểu học từ 94% lên 97%, trung học cơ sở từ 70% lên 83%, phổ thông trung học từ 33% lên 50%. Quy mô đào tạo nghề tăng 3,08 lần, trung cấp chuyên nghiệp tăng 2,69 lần, quy mô giáo dục đại học tăng 2,35 lần, tổng số sinh viên trên một vạn dân đạt 250. Năm 2010, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 40%, trong đó, lao động qua đào tạo nghề là 25%, bước đầu đáp ứng được*

nhu cầu của thị trường lao động.

- *Quy mô giáo dục và mạng lưới cơ sở giáo dục được phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của xã hội.* Về cơ bản đã xóa được “xã trắng” về giáo dục mầm non; trường tiểu học đã có ở tất cả các xã, trường trung học cơ sở có ở xã hoặc cụm xã, trường trung học phổ thông có ở tất cả các huyện. Các tỉnh và nhiều huyện miền núi đã có trường nội trú và bán trú cho con em đồng bào dân tộc thiểu số. Các cơ sở đào tạo nghề, cao đẳng và đại học được thành lập ở hầu hết các địa bàn dân cư lớn, các vùng, các địa phương, nhất là ở vùng khó khăn như Tây Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long. Đến nay, cả nước có trên 10.000 trung tâm học tập cộng đồng, gần 700 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và huyện, 1.600 trung tâm tin học, ngoại ngữ và nhiều trường đại học triển khai các chương trình đào tạo từ xa. Ngoài ra, có nhiều cơ sở đào tạo ngoại ngữ và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam. Hiện nay, tỷ lệ người lớn biết chữ đạt 95%.

- *Mạng lưới cơ sở dạy nghề phát triển nhanh chóng với 3 cấp trình độ (sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề).* Đến năm 2011 cả nước đã có 123 trường cao đẳng nghề, 303 trường trung cấp nghề. Thời kỳ 2001- 2010, bình quân mỗi năm dạy nghề cho 1,8 triệu lao động, trong đó dạy nghề ngắn hạn khoảng 1 triệu người. Giai đoạn 2006- 2010, mỗi năm đã hỗ trợ cho trên 300 nghìn lao động nông thôn học nghề ngắn hạn và sơ cấp nghề, bằng 2% tổng số thanh niên nông thôn. Riêng năm 2011, hỗ trợ dạy nghề và đặt hàng dạy nghề cho khoảng

400 nghìn lao động nông thôn, trong đó 48,4% học các nghề nông nghiệp.

- *Từ khi có Nghị quyết Trung ương 2 (Khóa VIII), ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục - đào tạo đã tăng đáng kể, từ 5% tổng chi ngân sách năm 1985 lên 10% năm 1995, 15% năm 2000, 18,1% năm 2007 (tương đương 60 nghìn tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên chiếm 77,6%, chi chương trình mục tiêu chiếm 5,1% và chi đầu tư xây dựng cơ bản chiếm 17,2%).* Sự tăng chi cho chương trình mục tiêu từ 600 tỷ đồng/năm lên gần 1.300 tỷ đồng năm 2004 và 3.000 tỷ đồng năm 2007 đã góp phần giải quyết kinh phí thực hiện các mục tiêu ưu tiên của ngành giáo dục.

**Thứ hai, công bằng xã hội trong giáo dục đã được cải thiện.** Cơ hội học tập cho trẻ em gái, trẻ em người dân tộc thiểu số, con em các gia đình nghèo và trẻ em khuyết tật đã tăng lên. Giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa có những tiến bộ rõ rệt. Việc miễn, giảm học phí, cấp học bổng và các chính sách hỗ trợ khác đã tạo điều kiện cho đại bộ phận con em các gia đình nghèo, diện chính sách được học tập, trước hết ở các cấp học phổ cập. Đến nay, 53% số học sinh sinh viên cả nước được miễn giảm học phí.

- **Thứ ba, cơ hội cho người dân tiếp cận tốt hơn được với giáo dục và đào tạo tốt hơn thông qua thực hiện chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên, xã hội hóa giáo dục.** Theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đến cuối năm 2011 tổng dư nợ cho vay ước đạt khoảng 30.000 tỷ đồng, trên 2,2 triệu học sinh, sinh viên

**Bảng 1: Ngân sách Nhà nước cho giáo dục và đào tạo giai đoạn 2000-2007**

Năm	Chi tiêu cho giáo dục và đào tạo tính theo % GDP	Chi tiêu cho giáo dục và đào tạo (tính theo % tổng chi tiêu ngân sách)	Bao gồm		
			Chi thường xuyên (tính theo % tổng chi tiêu cho giáo dục và đào tạo)	Chương trình mục tiêu (tính theo % tổng chi tiêu cho giáo dục và đào tạo)	Đầu tư (tính theo % tổng chi tiêu cho giáo dục và đào tạo)
2000	3	15	71.6	4.8	23.5
2001	4.1	15.3	73	4	22.3
2002	4.2	15.6	71	4	24.9
2003	4.7	16.4	81.7	4.3	14
2004	4.9	17.1	79	4.3	16.7
2005	5.1	18.1	79.8	4.3	15.9
2006	5.6	18.4	82.5	5.4	17.5
2007	5.6	18.1	77.6	5.1	17.2

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

mồ côi, thuộc hộ nghèo, cận nghèo và hộ khó khăn được thụ hưởng chính sách (trong đó, cấp 13 nghìn tỷ đồng cho 840 nghìn sinh viên đại học, 9,4 nghìn tỷ đồng cho 660 nghìn sinh viên cao đẳng, 5,9 nghìn tỷ đồng cho 470 nghìn học sinh trung cấp, gần 1,7 nghìn tỷ đồng cho 130 nghìn học sinh học nghề). Các lực lượng xã hội tham gia ngày càng tích cực vào việc huy động trẻ đến trường, giám sát, đánh giá và hiến kế cho giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất trường học, đầu tư mở trường, đóng góp kinh phí cho giáo dục dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong năm 2007, khoảng 25% tổng chi phí của xã hội cho học tập là đóng góp của người dân. Bên cạnh đó, cũng đã huy động được sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị- xã hội và đầu tư nước ngoài. Chính sách xã hội hóa giáo dục đã có những thành công, thể hiện ở việc ra đời ngày càng nhiều trường tư thục, dân lập, từ mầm non đến đại học, làm giảm sức ép cho giáo dục công lập trong khi ngân sách nhà nước còn rất eo hẹp.

### 3.2. Những hạn chế chủ yếu

- *Chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo thấp*: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cuối cấp so với học sinh vào đầu cấp thấp. Tỷ lệ học sinh bỏ học mặc dù giảm đáng kể (từ 12% từ đầu những năm 1990 xuống còn 4% trong các năm gần đây) nhưng vẫn còn cao. Ở đại học, thường chỉ dạy những cái mình có nên nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng ra trường chưa đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực ngoài xã hội. Hàng trăm nghìn học sinh, sinh viên ra trường không có việc làm. Ở phổ thông, quan niệm đề cao kiến thức, coi nhẹ năng lực hoạt động của học sinh. Nhìn chung, trong giáo dục chưa giải quyết được mâu thuẫn giữa phát triển số lượng với nâng cao chất lượng.

- *Mất cân đối trong mô hình giáo dục đại học*: Số lượng trường cao đẳng nhiều hơn đại học những số sinh viên học đại học lại đông gấp hai lần so với sinh viên học tại các trường cao đẳng. Về phía xã hội, người học cũng chỉ muốn học đại học, không thích học cao đẳng, học nghề. Việc học nghề chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng được yêu cầu nhân lực của xã hội. Hệ thống các cơ sở dạy nghề chưa đáp ứng nhu cầu ở những vùng khó khăn, đối tượng hỗ trợ còn hạn hẹp, chưa hoàn thiện các chính sách đào tạo cho lao động bị mất đất do tác động chuyển đổi mục đích sử dụng đất canh tác và mất việc làm do suy giảm kinh tế. Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn có nơi còn chưa hiệu quả. Năm 2010, cả nước vẫn còn 60% lao động chưa được đào tạo, đặc biệt lao động dân tộc thiểu

số tỷ lệ này là trên 90%. Thiếu hụt giáo viên có kinh nghiệm và thiếu tài liệu, trang thiết bị đào tạo tiên tiến khiến tỷ lệ tham gia loại hình đào tạo nghề không cao.

- *Cơ sở vật chất kỹ thuật nhà trường còn thiếu thốn và lạc hậu*: Tính đến năm 2011, vẫn còn khoảng 29% số lớp học ở tình trạng tạm bợ, cũ nát, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Thư viện, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn và các phương tiện dạy học còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở các trường đại học. Trong nhiều năm gần đây, quy mô giáo dục đại học phát triển, số lượng các trường cao đẳng, đại học tăng mạnh trong khi các điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất - kỹ thuật nhà trường chưa phát triển đủ để đảm bảo được chất lượng đào tạo của các cơ sở này.

- *Công bằng trong giáo dục và đào tạo mặc dù đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều bất cập*. Chẳng hạn, việc đảm bảo giáo dục tối thiểu (phổ cập trung học cơ sở) tuy đã đạt được ở cấp quốc gia, song tại nhiều huyện miền núi, dân tộc thiểu số kết quả còn thấp. Năm 2010, tỷ lệ học sinh đi học tiểu học của dân tộc thiểu số chỉ đạt 80,4% (trong khi cả nước đạt trên 97%); đi học trung học cơ sở chỉ đạt 61,7% (cả nước đạt 85%) và đi học phổ thông trung học đạt 37,3% (cả nước đạt 50%). Một số vùng dân tộc thiểu số có tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên mù chữ khá cao, lên đến 42%... Cơ hội tiếp cận với các dịch vụ đào tạo, nâng cao trình độ của người công nhân trong các khu công nghiệp, khu vực phi chính thức còn rất khó khăn.

- *Hệ thống giáo dục nặng về thi cử và bệnh thành tích*: Hệ thống giáo dục Việt Nam nặng về thi cử với những kỳ thi kéo dài triền miên gây áp lực cho cả thí sinh lẫn phụ huynh. Điều này gây ra tâm lý đối phó thường trực nơi người học và những cuộc chạy đua thành tích của các thầy cô, nhà trường và phụ huynh. Căn bệnh thành tích và gian lận trong thi cử đã và đang lan tràn trong giáo dục và xã hội. Vụ thầy giáo Đỗ Việt Khoa tố cáo việc gian lận trong thi cử gần đây là những bằng chứng trung thực mà cũng rất đau lòng về căn bệnh thành tích và gian lận trong thi cử.

### 3.3. Nguyên nhân của những hạn chế:

- *Quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu chưa thực sự được quán triệt đúng mức ở các cấp quản lý và chỉ đạo giáo dục*: Trong thực tiễn, quan điểm này chưa được hiểu một cách đầy đủ để triển khai một cách thực sự hiệu quả ở mọi lĩnh vực. Nhiều bộ, ngành, địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của giáo dục, chưa thấy hết trách nhiệm

đối với giáo dục nên chưa dành ưu tiên thỏa đáng tạo điều kiện phát triển giáo dục. Một số địa phương còn sử dụng ngân sách giáo dục vào những hoạt động không phục vụ mục đích giáo dục.

- *Tư duy giáo dục chậm đổi mới, chưa thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình hội nhập quốc tế:* Nhiều tư tưởng chỉ đạo giáo dục ở nước ta vẫn còn xơ cứng, trì trệ. Chưa nhận thức đúng mức sự cần thiết phải tập trung quản lý nhà nước đối với toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân. Nhận thức về những tác động của nền kinh tế thị trường chưa đầy đủ nên chưa tạo được sự phù hợp của cơ chế quản lý giáo dục với cơ chế thị trường. Tư tưởng trọng bằng cấp dẫn đến những thành tích giả tạo trong giáo dục.

- *Đội ngũ nhà giáo chưa đáp ứng được nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới:* Còn thiếu quy hoạch tổng thể đào tạo đội ngũ nhà giáo từ mầm non đến đại học dẫn đến tình trạng đội ngũ giáo viên các cấp vừa thừa, vừa thiếu và không cân đối về cơ cấu trình độ, chuyên môn. Ở các trường cao đẳng, đại học, số giảng viên có trình độ thạc sỹ và tiến sỹ còn quá ít (chỉ chiếm khoảng 10% tổng số cán bộ giảng dạy) nên chưa đáp ứng yêu cầu phát triển quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo. Phương thức đào tạo trong các nhà trường sư phạm chậm đổi mới, chất lượng đào tạo còn thấp dẫn đến tình trạng trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của một bộ phận nhà giáo chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng. Bên cạnh sự nỗ lực của tuyệt đại bộ phận, một số nhà giáo còn có biểu hiện vi phạm đạo đức lối sống, làm ảnh hưởng xấu tới uy tín của người thầy trong xã hội. Công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo còn thiếu hiệu quả. Các chế độ chính sách đối với nhà giáo chưa thỏa đáng, chưa tạo được động lực phấn đấu vươn lên trong bản thân mỗi người thầy.

- *Ngân sách cho giáo dục còn nhiều hạn chế:* Mặc dù Chính phủ đã có nhiều cố gắng dành ngân sách nhà nước cho giáo dục- đào tạo, năm sau tăng hơn năm trước (năm 2007 gần gấp đôi so với năm 2000 tính theo tỷ lệ % GDP), nhưng vẫn không thể đáp ứng đủ yêu cầu (số lượng và chất lượng trường học, phòng học không bảo đảm; thiết bị dạy học thiếu và lạc hậu, giáo viên thiếu, lương giáo viên thấp... đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa. Nhìn chung, so với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực thì chi cho giáo dục- đào tạo ở nước ta còn thấp. Đầu tư cho giáo dục- đào tạo từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước trong những năm gần đây có tăng do mở rộng các loại hình đào tạo ngoài công

lập ở các khu vực kinh tế phát triển song chưa nhiều. Chính sách huy động và phân bổ nguồn lực tài chính cho giáo dục chưa hợp lý, chưa quan tâm đúng mức đến các địa phương khó khăn. Đầu tư của nhà nước cho giáo dục còn thiếu hiệu quả, chưa tập trung cao cho những mục tiêu ưu tiên. Cơ cấu chi ngân sách giáo dục chưa hợp lý, trong đó phần chi cho hoạt động chuyên môn là không đáng kể.

- *Xã hội hóa giáo dục vẫn còn chậm* do chưa ban hành đầy đủ và đồng bộ các văn bản pháp quy về cơ chế, chính sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện (như chế độ học phí, vấn đề sở hữu trong cơ sở ngoài công lập, vấn đề nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong trường học, ưu đãi cấp đất xây dựng trường học, phân phối thu nhập, chế độ chính sách đối với giáo viên, học sinh, người tham gia góp vốn đầu tư vào giáo dục...) và những yếu kém trong quản lý cũng như sự phối hợp giữa các cơ quan trung ương và địa phương để quản lý các cơ sở ngoài công lập còn thiếu chặt chẽ.

- *Công tác quản lý giáo dục - đào tạo còn nhiều yếu kém:* Trình độ và năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ các cấp còn nhiều hạn chế, đặc biệt là về kiến thức và năng lực quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo. Trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường, nhiều hoạt động giáo dục- đào tạo đã bị thương mại hóa và có nhiều hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong giảng dạy, học tập, thi cử và cấp phát văn bằng, chứng chỉ. Quản lý nhà nước còn nặng tính quan liêu bao cấp, vẫn còn tình trạng ôm đồm, sự vụ, làm hạn chế quyền chủ động, sáng tạo và ý thức trách nhiệm của các đơn vị cơ sở. Hệ thống luật pháp và các chính sách về giáo dục chưa hoàn chỉnh. Việc chia cắt các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với các bộ ngành khác đã làm cho việc quản lý nhà nước đối với hệ thống giáo dục chồng chéo, phân tán, thiếu thống nhất. Năng lực của các cơ quan quản lý giáo dục chưa đáp ứng được nhiệm vụ quản lý trong tình hình mới.

- *Những tác động khách quan làm tăng thêm những yếu kém bất cập của giáo dục:* Quá trình hội nhập quốc tế đã mang tới những cơ hội lớn nhưng cũng mang đến nhiều thách thức lớn đối với giáo dục. Trong xã hội, chủ nghĩa hình thức, hám danh vọng còn nặng nề; tâm lý khoa cử, bằng cấp vẫn chi phối mạnh việc dạy, học và thi cử. Mặt trái của kinh tế thị trường đã có nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến giáo dục. Nhu cầu học tập của nhân dân ngày càng cao trong khi khả năng đáp ứng của ngành giáo dục và trình độ phát triển kinh tế của đất nước còn hạn

chế. Sức đón nhận của thị trường lao động còn hạn hẹp, chưa đáp ứng nhu cầu việc làm của người lao động đã qua đào tạo.

#### **4. Định hướng chính sách giáo dục và đào tạo trong những năm tới**

Xuất phát từ thực trạng hiện nay, trong những năm tới, mục tiêu của chính sách giáo dục và đào tạo cần hướng tới đảm bảo mọi người dân được tiếp cận giáo dục từ mức tối thiểu trở lên, nhất là các gia đình nghèo ở nông thôn, miền núi; mọi công nhân phải được đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật; giảm chênh lệch về giáo dục cho người nghèo, dân tộc thiểu số và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Theo đó, đến năm 2015, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đưa tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học đạt 98%, trung học cơ sở là 90% và 70% đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương; tỷ lệ sinh viên trên một vạn dân tăng lên 300; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%, trong đó dạy nghề là 35%; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 trở lên là 96%. Đến năm 2020: có 99% trẻ em đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học, 95% ở bậc trung học cơ sở, 80% đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương; tỷ lệ sinh viên trên một vạn dân tăng lên 350- 400; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó đào tạo nghề là 40%; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 trở lên là 98%.

Để đạt được những mục tiêu trên, chính sách giáo dục và đào tạo trong thời gian tới cần được tiếp tục hoàn thiện theo hướng sau:

*Thứ nhất, đổi mới quản lý giáo dục:* Thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về giáo dục và thực hiện dần việc bỏ cơ chế Bộ chủ quản đối với các cơ sở giáo dục đại học; thực hiện công khai hoá và giám sát xã hội đối với chất lượng giáo dục, nguồn lực cho giáo dục và tài chính của các cơ sở giáo dục; thực hiện phân cấp quản lý mạnh đối với các địa phương và các cơ sở giáo dục; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm ở các cơ sở đào tạo về nội dung đào tạo, tài chính, nhân sự; đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện cơ chế một cửa trong toàn bộ hệ thống quản lý giáo dục.

*Thứ hai, nâng cao mức độ thụ hưởng kết quả giáo dục và đào tạo của mọi người dân:* Phát triển mạng

lưới các cơ sở giáo dục mầm non, mạng lưới trường phổ thông, mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên phạm vi toàn quốc, quy hoạch lại mạng lưới các trường cao đẳng, đại học trên phạm vi toàn quốc và từng vùng kinh tế, đáp ứng nhu cầu nhân lực về quy mô và cơ cấu ngành nghề đào tạo, phát triển các trường cao đẳng cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các địa phương, mở rộng mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên.

*Thứ ba, đảm bảo công bằng trong giáo dục và đào tạo:* Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc; hoàn thiện và thực hiện cơ chế học bổng, học phí, tín dụng cho học sinh, sinh viên vùng miền núi, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và thuộc diện chính sách xã hội; bảo đảm đủ nhà công vụ, có chính sách thoả đáng thu hút giáo viên cho vùng núi, vùng khó khăn; có chính sách hỗ trợ đặc biệt cho người khuyết tật học tập; thực hiện chính sách ưu tiên trong tuyển sinh, đào tạo đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số.

*Thứ tư, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục:* Thể chế hóa vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân và gia đình trong việc giám sát và đánh giá giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục; xây dựng cơ chế học phí mới nhằm đảm bảo sự chia sẻ hợp lý giữa nhà nước, người học và các thành phần xã hội; khuyến khích và bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho giáo dục; phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập và triển khai các chính hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập cả ở đại học, dạy nghề và phổ thông.

*Thứ năm, huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho giáo dục:* tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo; huy động nguồn lực từ các tổ chức kinh tế-xã hội, các đơn vị sử dụng nhân lực sau đào tạo, phân bổ tài chính cho các cơ sở giáo dục dựa trên nhu cầu thực và kết quả hoạt động của từng cơ sở nhằm tạo sự cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích các cơ sở phấn đấu nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; nâng cao tính tự chủ của các cơ sở giáo dục, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm đối với Nhà nước, người học và xã hội. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2009-2020, Dự thảo lần thứ 14.
2. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992
3. Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009.